

3. Quy đổi tương đương điểm giữa các phương thức xét tuyển:

3.1. Khung quy đổi tương đương điểm giữa phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp trung học phổ thông (học bạ) và phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Khoảng phân vị	Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp trung học phổ thông (học bạ) (Phương thức xét tuyển 2), thang điểm 30	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Phương thức xét tuyển 5), thang điểm 30
Khoảng 1	$28,65 \leq x \leq 30,00$	$25,75 \leq y \leq 30,00$
Khoảng 2	$27,15 \leq x \leq 28,64$	$24,25 \leq y \leq 25,74$
Khoảng 3	$25,95 \leq x \leq 27,14$	$23,25 \leq y \leq 24,24$
Khoảng 4	$24,15 \leq x \leq 25,94$	$21,75 \leq y \leq 23,24$
Khoảng 5	$20,15 \leq x \leq 24,14$	$18,05 \leq y \leq 21,74$
Khoảng 6	$18,00 \leq x \leq 20,14$	$16,00 \leq y \leq 18,04$

3.2. Khung quy đổi tương đương điểm giữa phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 và phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Khoảng phân vị	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (Phương thức xét tuyển 3), thang điểm 1200	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Phương thức xét tuyển 5), thang điểm 30
Khoảng 1	$1027 \leq x \leq 1139$	$26,75 \leq y \leq 30,00$
Khoảng 2	$967 \leq x \leq 1026$	$24,85 \leq y \leq 26,74$
Khoảng 3	$928 \leq x \leq 966$	$23,75 \leq y \leq 24,84$
Khoảng 4	$874 \leq x \leq 927$	$22,10 \leq y \leq 23,74$
Khoảng 5	$749 \leq x \leq 873$	$18,55 \leq y \leq 22,09$
Khoảng 6	$657 \leq x \leq 748$	$16,00 \leq y \leq 18,54$

3.3. Khung quy đổi tương đương điểm giữa phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) năm 2026 và phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Khoảng phân vị	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá	Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp
----------------	---	---

	đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) năm 2026 (Phương thức xét tuyển 4), thang điểm 450	THPT năm 2026 (Phương thức xét tuyển 5), thang điểm 30
Khoảng 1	$409,5 < x \leq 450$	$27,25 < y \leq 30,00$
Khoảng 2	$377,5 < x \leq 409,5$	$25,10 < y \leq 27,25$
Khoảng 3	$356,5 < x \leq 377,5$	$23,75 < y \leq 25,10$
Khoảng 4	$329,4 < x \leq 356,5$	$22,00 < y \leq 23,75$
Khoảng 5	$272 < x \leq 329,4$	$18,25 < y \leq 22,00$
Khoảng 6	$241 \leq x \leq 272$	$16,00 \leq y \leq 18,25$

3.4. Hướng dẫn quy đổi điểm giữa các phương thức xét tuyển

Áp dụng công thức nội suy tuyến tính và khung quy đổi điểm tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026, như sau:

$$y = c + \frac{(x - a)(d - c)}{(b - a)}$$

Trong đó:

x: Là điểm của thí sinh (điểm tổ hợp dựa trên kết quả học tập cấp trung học phổ thông (học bạ), điểm thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hoặc điểm thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT));

Lưu ý: Đối với các mã xét tuyển có quy định điểm môn Toán nhân hệ số 2 trong tổ hợp xét tuyển (xét tuyển theo kết quả học tập cấp trung học phổ thông, theo kết quả kỳ thi V-SAT) thì tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển (điểm x trong công thức) của thí sinh sẽ được quy đổi về thang điểm 30 trước khi tính điểm quy đổi tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (điểm y trong công thức). Cụ thể như sau:

STT	Trường hợp	Công thức quy đổi về thang điểm 30
1	Điểm môn Toán nhân hệ số 2 trong tổ hợp xét tuyển đối với xét tuyển theo kết quả học tập cấp trung học phổ thông	Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển = $\frac{((\text{Điểm môn Toán} \times 2) + (\text{Điểm môn 2}) + (\text{Điểm môn 3})) \times 30}{40}$
2	Điểm môn Toán nhân hệ số 2 trong tổ hợp xét tuyển đối với xét	Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển = $\frac{((\text{Điểm môn Toán} \times 2) + (\text{Điểm môn 2}) + (\text{Điểm môn 3})) \times 450}{600}$

	tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT năm 2026	
--	---	--

a, b: Là hai điểm mốc xác định khoảng điểm của thí sinh;

c, d: Là hai điểm mốc xác định khoảng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 tương ứng.

y: Là điểm quy đổi tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo thang điểm 30, chưa tính điểm cộng (nếu có), điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng (nếu có).

Ví dụ:

Thí sinh có điểm thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) là 360,00 điểm (thuộc khoảng 3 khung quy đổi tương đương điểm giữa phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) năm 2026 và phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026) thì điểm quy đổi được tính như sau:

$$x = 360,00; \quad a = 356,5; \quad b = 377,5; \quad c = 23,75; \quad d = 25,10$$

Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) sau khi quy đổi sang điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 được tính theo công thức:

$$y = 23,75 + \frac{(360 - 356,5)(25,10 - 23,75)}{(377,5 - 356,5)} = 23,98$$

(Điểm quy đổi được làm tròn đến 2 số thập phân)

Vậy, kết quả quy đổi điểm tương đương theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh là: 23,98 điểm.

4. Công thức tính điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

Điểm xét tuyển (thang điểm 30)	=	Điểm quy đổi tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (thang điểm 30)	+	Điểm cộng (nếu có)	+	Điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng (nếu có)
--------------------------------------	---	--	---	-----------------------	---	--

Lưu ý: Đối với các mã xét tuyển có quy định điểm môn Toán nhân hệ số 2 trong tổ hợp xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 thì tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển của thí sinh sẽ được quy đổi về thang điểm 30 trước khi tính điểm xét tuyển và xét trúng tuyển cho thí sinh, theo công thức sau:

$$\text{Điểm quy đổi về thang điểm 30} = \frac{\text{(Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 sau khi nhân hệ số 2 điểm môn Toán)} \times 30}{40}$$

Điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển không phân biệt tổ hợp xét tuyển.

5. Thông tin liên lạc:

Mọi thông tin về tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp, việc làm, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của Trường, thí sinh xem tại <https://ufm.edu.vn/>, <https://tuyensinh.ufm.edu.vn/>, hoặc liên lạc:

5.1. Trụ sở chính của Trường tại Thành phố Hồ Chí Minh

+ Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Tài chính - Marketing; số 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3772.0406 - 3772.0407 - 3772.0404

Email: dms@ufm.edu.vn

+ Cơ sở Tân Thuận: Văn phòng Hỗ trợ người học; Phòng A.207, số 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Phân hiệu Trường Đại học Tài chính - Marketing tại thành phố Huế

Phân hiệu Trường Đại học Tài chính - Marketing tại thành phố Huế, số 284 Phạm Văn Đồng, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế.

5.3. Phân hiệu Trường Đại học Tài chính - Marketing tại tỉnh Quảng Ngãi

Phân hiệu Trường Đại học Tài chính - Marketing tại tỉnh Quảng Ngãi, số 02 Lê Quý Đôn, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi./.